

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Xuân Miện

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huê – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền– Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2019/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ 5/54 Ô1, khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Đào Ngọc Duy D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 48 Phước T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Đào Ngọc Duy D sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 14/10/2015. Hôn nhân của bà và ông D hạnh phúc được thời gian ngắn, đến cuối năm 2017 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách, vợ chồng bà thường xuyên cãi vã. Khi về chung sống, ông D tỏ ra cọc cằn, nóng nảy, khi xảy ra cãi vã, ông D thường xô ném đồ đạc, có lúc còn đánh bà. Từ tháng 10 năm 2018, do không thể giải quyết, hàn gắn được mâu thuẫn vợ chồng, bà đã về nhà mẹ ruột ở, ly thân với ông D từ đó đến nay. Bà

xác định hôn nhân của bà và ông D không còn niềm vui và hạnh phúc. Tại Tòa, một lần nữa bà T khẳng định bà không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu được ly hôn với ông Đào Ngọc Duy D.

Về con chung: Bà T và ông D có 01 con chung là cháu Đào Ngọc Trà M, sinh ngày 03/8/2016. Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2018, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tuy nhiên ngày 08/4/2019, bà T đã có Đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo hướng: Ông D trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Sở dĩ bà có thay đổi yêu cầu này vì hiện tại con gái đang ở với bố, để cháu tiếp tục sống với bố nhằm tránh xáo trộn trong cuộc sống của con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đào Ngọc Duy D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư kí, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân giữa bà T và ông D là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà T và ông D không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, không quan tâm tới nhau, không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn. Ông D không đến làm việc, hòa giải theo triệu tập của Tòa, không tham gia các phiên tòa, không thể hiện mong muốn, thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm với bà T. Xét mâu thuẫn là không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; Về con chung: 01 con chung là cháu Đào Ngọc Trà M, sinh ngày 03/8/2016. Hiện nay, cháu M đang do ông D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu M phát triển bình thường, sức khỏe ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung như đề nghị giải quyết của bà T; bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Phạm Thị Kim T có đơn khởi kiện về “Ly hôn” với ông Đào Ngọc Duy D, có nơi cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D. Tại phiên tòa hôm nay, ông D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của ông D không làm ảnh hưởng đến

việc giải quyết vụ án, căn cứ quy định pháp luật Tòa tiến hành giải quyết vắng mặt ông D.

[2]. Về hôn nhân: Xét bà Phạm Thị Kim T và ông Đào Ngọc Duy D chung sống và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 14/10/2015. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông D là hợp pháp.

Trong thời gian ông D và bà T chung sống với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà T là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm dẫn đến bất đồng, xung đột trong mọi vấn đề. Vợ chồng bà thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Ông D vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa nên chưa thể hiện thiện chí, nguyện vọng muốn hòa giải, đoàn tụ của ông. Ngoài ra, không tranh thủ sự tác động, động viên, hòa giải của Pháp luật để hàn gắn hôn nhân giữa ông và bà T. Cũng do ông D vắng mặt, để xem xét yêu cầu của bà T, Tòa đã tiến hành xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Kết quả biên bản xác minh tại địa phương cho thấy bà T và ông D trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bà T và ông D đã ly thân, hiện nay cháu M đang do ông D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu M phát triển bình thường, sức khỏe ổn định.

Nay bà T cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với ông D. Xét mâu thuẫn của ông bà là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở để xem xét nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đào Ngọc Trà M, sinh ngày 03/8/2016, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Xét hiện nay cháu M đang do ông D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu M sức khỏe ổn định, phát triển bình thường, để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, sức khỏe... của cháu M, Hội đồng xét xử quyết định: ông D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đào Ngọc Trà M.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim T và ông Đào Ngọc Duy D ly hôn.

2. Về con chung: cháu Đào Ngọc Trà M, sinh ngày 03/8/2016 sẽ do ông D trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010331 ngày 05/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Bà T đã nộp xong án phí

Bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với ông D vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.V;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.V;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Nguyễn Thị Thanh Huyền

